

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2021.
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị A Hằng;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 01/04/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2021/TLST - HN ngày 05 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HN ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị A, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 138B, khóm CL5, phường CPB, thành phố K, tỉnh An Giang., tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc B, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 138B, khóm CL5, phường CPB, thành phố K, tỉnh An Giang., tỉnh An Giang.

Bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị A và trình bày:

Bà (Dương Thị A) và ông Lê Ngọc B tìm hiểu yêu thương nhau năm

1979, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung từ năm 1984 cho đến nay. Nay tình cảm đã hết, bà có yêu cầu ly hôn ông B.

Về con chung: Vợ chồng sanh được 02 con chung lấy họ mẹ tên:

Dương Thị Phương N, sinh năm 1980 (Đã trưởng thành);

Dương Thị Thái H, sinh năm 1984 (Đã trưởng thành);

Về tài sản chung - nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc B trình bày:

Ông và bà Dương Thị A quen biết nhau năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà A phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung từ năm 1984 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà A kiện ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu kiện của bà A.

Về con chung: Ông và bà A sanh được 02 con chung lấy họ mẹ tên:

Dương Thị Phương N, sinh năm 1980 (Đã trưởng thành);

Dương Thị Thái H, sinh năm 1984 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông B nhưng ông B chỉ cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử công bố: Lời khai của bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B.

Kết quả xác minh: Ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố K cung cấp.

Ngày 16/3/2021 do Ban khóm CL5, phường CPB, thành phố K cung cấp.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy

đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên Tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay nhận thấy:

Về hôn nhân: Giữa bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B tự tìm hiểu, yêu thương, được sự chấp thuận của gia đình đôi bên nên chung sống với nhau từ năm 1979 đến năm 1984 như vợ chồng, có 02 con chung, đã thực sự xây dựng gia đình, điều đó chứng tỏ đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, mặc dù hôn nhân giữa bà A và ông B không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà A cho biết sau quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bị đơn ông B thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà A. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014).

Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thị Phương N, sinh năm 1980 và Dương Thị Thái H, sinh năm 1984. Các con đều trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Bà Dương Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc B. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn thành phố Châu. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1]. Về vắng mặt của đương sự:

Bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông B.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà A và ông B đi đến hôn nhân vào năm 1979, hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang:

Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố K và cán bộ hộ tịch ông Huỳnh Lê H phường Châu Phú B, thành phố K cung cấp: Qua rà soát sổ lưu trữ thì bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố K, tỉnh An Giang.

Ban khóm CL5, phường CPB, thành phố K xác nhận ông B và bà A có chung sống với nhau tại số 138B, khóm CL5, phường CPB, thành phố K, tỉnh An Giang., tỉnh An Giang và sanh 02 con chung.

Xét thấy, bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B chung sống như vợ chồng từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội “Về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình” tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng quy định về ly hôn để giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xem là hôn nhân thực tế.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy, bà A và ông B không còn sống chung thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Bà A và ông B khai thống nhất nhau là vợ chồng sống chung sanh 02 con chung lấy họ mẹ tên: Dương Thị Phương N, sinh năm 1980 (Đã trưởng thành) và Dương Thị Thái H, sinh năm 1984 (Đã trưởng thành), nên không đề cập đến giải quyết.

[4] *Về tài sản chung - nợ chung*:

Bà A và ông B khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[5] *Về án phí*:

Bà Dương Thị A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Ngọc B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000) và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị A.

Bà Dương Thị A được ly hôn ông Lê Ngọc B.

2. *[Về án phí sơ thẩm]*:

Bà Dương Thị A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Ngọc B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. *[Về quyền kháng cáo]*:

Bà Dương Thị A và ông Lê Ngọc B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga